

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu:**

- Tên hạng mục: Lấy và phân tích mẫu nước thành phẩm đợt 2 năm 2025 theo QCVN 01-1:2024/BYT
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.
- Tổng kinh phí thực hiện: 10.505.992.411 đồng
- Tên gói thầu: Gói thầu số 4: Lấy và phân tích mẫu nước thành phẩm đợt 2 năm 2025 theo QCVN 01-1:2024/BYT.
- Giá gói thầu: 9.949.270.200 đồng (*bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, hai trăm đồng*)
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Thành phố Hà Nội.

#### **Mục 2. Mục tiêu công việc:**

Xét nghiệm chất lượng nước nhằm thực hiện các quy định của pháp luật và phục vụ công tác kiểm soát chất lượng nước thành phẩm đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT và Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.

#### **Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật:**

##### **3.1. Yêu cầu chung**

Các công việc thuộc gói thầu như lấy mẫu, bảo quản, xử lý mẫu nước, phân tích, xét nghiệm... phải được tuân thủ theo đúng các hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật, trong đó lưu ý:

- Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.
- Các chỉ tiêu mới theo quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT phải được thực hiện theo đúng phương pháp tại phụ lục 1 của Quy chuẩn.
- Phòng Thí nghiệm phải duy trì hiệu lực của Quyết định công nhận ISO/IEC 17025:2017 cho lấy mẫu và phân tích trong thời gian thực hiện Gói thầu

##### **3.2. Yêu cầu về phạm vi và nội dung dịch vụ cung cấp**

- Lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước thành phẩm từ các đơn vị sản xuất đến hệ thống mạng lưới, các trạm tăng áp trong địa bàn cấp nước của Công ty quản lý.
- Thông số: 82/99 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2024/BYT (có bảng kèm

theo)

- Tần suất:

+ Các thông số nhóm B có tần suất 6 tháng/1 lần.

+ Thông số Pecmanganat thuộc nhóm A, làm 01 lần cùng thời điểm làm nhóm B.

- Vị trí và số lượng mẫu:

+ 12 nhà máy nước: mẫu sau xử lý, mẫu mạng theo số lượng tại Thông tư

+ 04 trạm sản xuất có công suất thiết kế từ 1.000-10.000m<sup>3</sup>/ngđ: 01 mẫu sau xử lý và 2 mạng/1 trạm

+ Trạm tăng áp: kiểm soát đến bể mái, trường hợp trạm không có bể mái, kiểm soát tới bể ngầm; 01 mẫu tại mỗi bể chứa tập trung và 01 mẫu tại vòi khách hàng sử dụng nước từ bể. Số lượng bể sẽ được các đơn vị KDNS báo cáo tại thời điểm thực hiện.

+ Mẫu dự phòng: 5% tổng số mẫu (làm tròn), trong trường hợp có các sự cố đột xuất về chất lượng nước và khi phải khắc phục, báo cáo khắc phục chất lượng.

Dự kiến tổng cộng: 570 mẫu/đợt

**Bảng 01: Danh sách vị trí và số lượng mẫu**

STT	Loại	Tên	Địa chỉ	Số lượng
1	Nhà máy	Yên Phụ	44 Yên Phụ, Ba Đình	9
2		Ngô Sỹ Liên	Số 1 Quốc Tử Giám, Đống Đa	7
3		Mai Dịch	Số 1 Phạm Hùng, Cầu Giấy	7
4		Tương Mai	Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai	5
5		Pháp Vân	Ngã 3 Pháp Vân, Hoàng Mai	5
6		Hạ Đình	Hạ Đình, Thanh Xuân	4
7		Ngọc Hà	Đội Cấn, Ba Đình	5
8		Lương Yên	Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng	5
9		Cáo Đình	Xuân Đình, Tây Hồ	7
10		Nam Dư	Trần Phú, Hoàng Mai	7
11		Gia Lâm	Nguyễn Văn Linh, Long Biên	7
12		Bắc Thăng Long	Kim Chung, Đông Anh	13
13	Trạm sản xuất	Thụy Khuê	Thụy Khuê, Tây Hồ	3
14		Đông Mỹ	Đông Mỹ, Thanh Trì	3
15		Vân Đồn	Bạch Đằng, Hai Bà	3

			Trung	
16		Bạch Mai	Ngõ 15 Phương Mai	3
17	Trạm tăng áp (XNKDNS Ba Đình)	Trạm Giảng Võ	18 Núi Trúc	2
18		Trạm 10 Kim Mã Thượng	10 Kim Mã Thượng	2
19		Trạm AB Khu 2.1 ha Cống Vị	Nhà AB Ngõ 71 Linh Lang	4
20		Trạm khu 2.1 ha Cống Vị	Đổi diện trường Phạm Hồng Thái	2
21		Trạm B1 ngõ 195 Đội Cấn	Ngõ 195 Đội Cấn	2
22		Trạm B2 ngõ 195 Đội Cấn	Ngõ 195 Đội Cấn	4
23		Trạm B5 ngõ 195 Đội Cấn	Ngõ 195 Đội Cấn	2
24		Trạm ABCD khu 7.2 ha Vĩnh Phúc	Khu 7.2 ha phố Vĩnh Phúc	2
25		Trạm GHIK khu 7.2 ha Vĩnh Phúc	Khu 7.2 ha phố Vĩnh Phúc	2
26		Trạm G3 khu 7.2 ha Vĩnh Phúc	Khu 7.2 ha phố Vĩnh Phúc	2
27		Trạm A3A Giảng Võ	Giảng Võ	2
28		Trạm A3B Giảng Võ	Giảng Võ	0
29	Trạm tăng áp (XNKDNS Cầu Giấy)	Trạm Đồng Xa 1	Ngõ 26 Doãn Kế Thiện	2
30		Trạm Đồng Xa 2	Khu chợ Đồng Xa	2
31		Trạm B3 Cầu Diễn	Khu TĐC Cầu Diễn	4
32		Trạm B4 Cầu Diễn	Khu TĐC Cầu Diễn	4
33		Trạm B5 Cầu Diễn	Khu TĐC Cầu Diễn	4
34		Trạm CT1A,B,C TP.Giao Luu	Khu TĐC T.p Giao Lưu	6
35		Trạm Nam Nghĩa Tân	Chợ Nghĩa Tân	2
36		Nhà N01 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	4
37		Nhà N02 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
38		Nhà N03 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	6
39		Nhà N04 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
40		Nhà N05 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
41		Nhà N06 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
42		Nhà N07 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
43		Nhà N08 Dịch Vọng	Khu 5,3 ha Dịch Vọng	2
44		Trạm 127 Nguyễn Phong Sắc	127 Nguyễn Phong Sắc	12
45	Trạm in tiền Quốc Gia	Ngõ 30 Phạm Văn Đồng	4	
46	Trạm HVQP	Đường 800A	2	
47	Trạm Nghĩa Đô	Phùng Chí Kiên	2	
48	Trạm Khu D Nguyễn Khánh Toàn	Nguyễn Khánh Toàn	12	

49	Trạm 158 Nguyễn Khánh Toàn	Ngõ 158 Nguyễn Khánh Toàn	2
50	Trạm 15B Đông Quan	Ngõ 15 Đông Quan	2
51	Trạm Lô E Yên Hòa	Tái định cư lô E Yên Hòa	2
52	Trạm Bắc Nghĩa Tân	Ngõ 120 Hoàng Quốc Việt	2
53	Trạm Tăng thiết giáp	Ngõ 106 Hoàng Quốc Việt	2
54	Trạm X2 Xuân La	Hoàng Quốc Việt	2
55	Trạm B12 Xuân La	Võ Chí Công	2
56	Trạm C10 Xuân La	Võ Chí Công	2
57	Trạm A5 Xuân La	Ngõ 28 Xuân La	6
58	Trạm D6 Xuân La	Ngõ 28 Xuân La	2
59	Trạm G9 Xuân Đình	40 Xuân La	6
60	Trạm CT 13 A1	Võ Chí Công	2
61	Trạm CT 13 A2	Võ Chí Công	2
62	Trạm CT 14 A1	Võ Chí Công	2
63	Trạm CT 14 A2	Võ Chí Công	2
64	Trạm A1 Phú Thượng	Khu tái định cư Phú Thượng	2
65	Trạm A2 Phú Thượng	Khu tái định cư Phú Thượng	2
66	Trạm X2 Phú Thượng	Khu tái định cư Phú Thượng	2
67	Trạm C18 Lạc Long Quân	Lạc Long Quân	2
68	Nhà A6A Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
69	Nhà A6B Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
70	Nhà A6C Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
71	Nhà A6D Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
72	Nhà B3A Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
73	Nhà B3B Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
74	Nhà B3C Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
75	Nhà B3D Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
76	Nhà B6A Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
77	Nhà B6B Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2

			Yên	
78		Nhà B6C Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
79		Nhà B10A Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
80		Nhà B10B Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
81		Nhà B10C Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
82		Nhà B11 A Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
83		Nhà B11 B Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
84		Nhà B11 C Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
85		Nhà B11 D Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	2
86		Nhà 21T1 Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	4
87		Nhà 21T2 Nam Trung Yên	Khu TĐC Nam Trung Yên	4
88		Trạm Thượng Cát	Thượng Cát	2
89		Trạm bơm Tòa 4F	Khu đô thị Trung Yên	4
90	Trạm tăng áp (XNKDNS Đồng Đa)	Trạm A6 Đại Học Thủy Lợi	Ngõ 95 Chùa Bộc	2
91		Trạm 12A Đại Học Thủy Lợi	Ngõ 95 Chùa Bộc	2
92		Trạm C4 Khương Thượng	Ngõ 44 Khương Thượng	2
93		Trạm B1	Ngõ 201 Chùa Bộc	2
94		Trạm Khí Tượng Thủy Văn	Ngõ 95 Chùa Bộc	2
95		Trạm B7 Kim Liên	Phố Phạm Ngọc Thạch	4
96		Trạm B10 Kim Liên	Phố Phạm Ngọc Thạch	4
97		Trạm Kim Liên	Ngõ 9 Đào Duy Anh	2
98		Trạm Trung Tự	Ngõ 4A Đặng Văn Ngữ	4
99		Trạm Nam Đồng A	Ngõ 119 Hồ Đắc Di	2
100		Trạm Nam Đồng D	Ngõ 119 Hồ Đắc Di	2
101		Trạm A1.1 Mỳ Chùa Bộc	Ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch	2
102		Trạm A1.2 Mỳ Chùa Bộc	Ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch	2
103		Trạm A2 Mỳ Chùa Bộc	Ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch	4
104		Trạm Học viện Kỹ thuật	213 Xã Đàn	6

	Quân sự			
105	Trạm Tổng Cục Kỹ thuật	106 Ngõ Xã Đàn 2	4	
106	Trạm Vĩnh Hồ A	Ngõ Thịnh Quang	2	
107	Trạm Vĩnh Hồ B	Phố Vĩnh Hồ	4	
108	Trạm Vĩnh Hồ D	Ngõ 63 Thái Thịnh	2	
109	Trạm Vĩnh Hồ E	Ngõ 112 Thái Thịnh	2	
110	Trạm tập thể Bưu Điện	60 Ngõ Thổ Quan	2	
111	Trạm Hà Thủy	Ngõ 61 Hoàng Cầu	2	
112	Trạm 71.1	Ngõ Thịnh Hào 1	2	
113	Trạm 71.2	Ngõ Thịnh Hào 1	2	
114	Trạm X81	Ngõ Thịnh Hào 1	2	
115	Trạm 77	Ngõ Thịnh Hào 1	2	
116	Trạm 14 Nguyễn Khuyến	14 Nguyễn Khuyến	4	
117	Trạm 16B Ngõ Tất Tố 1	16B Ngõ Tất Tố	2	
118	Trạm 16B Ngõ Tất Tố 2	16B Ngõ Tất Tố	2	
119	Trạm 461 Trần Quý Cáp	461 Trần Quý Cáp	2	
120	Trạm 221 Tôn Đức Thắng	Ngõ 221 Tôn Đức Thắng	2	
121	Trạm Thương Mại A1	Ngách 88/105 Trần Quý Cáp	2	
122	Trạm Thương Mại A2	Ngách 88/105 Trần Quý Cáp	2	
123	Trạm 128 ngõ Văn Hương	128 Ngõ Văn Hương	2	
124	Trạm Văn Chương	Khu tập thể Văn Chương	2	
125	Trạm Thành Công	Ngõ 9 phố Nguyễn Hồng	2	
126	Trạm M Láng Trung	Ngách 16/1 Huỳnh Thúc Kháng	2	
127	Trạm CT3 Hoàng Cầu	Ngõ 30 Mai Anh Tuấn	4	
128	Trạm CT2A Hoàng Cầu	Ngõ 30 Mai Anh Tuấn	4	
129	Trạm CT2B Hoàng Cầu	Ngõ 30 Mai Anh Tuấn	2	
130	Trạm CT2C Hoàng Cầu	Ngõ 30 Mai Anh Tuấn	2	
131	Trạm Hào Nam	Ngõ 2 Vũ Thạnh	2	
132	Trạm N01 Láng Thượng	Ngõ 84 Chùa Láng	4	
133	Trạm N02 Láng Thượng	Ngõ 84 Chùa Láng	4	
134	Trạm N03 Láng Thượng	Ngõ 84 Chùa Láng	2	
135	Trạm tầng áp (XNKDNS Hai Bà Trưng)	Trạm Nguyễn Công Trứ 1	D1 Tập Thể Nguyễn Công Trứ	2
136		Trạm Nguyễn Công Trứ 2	B1 Tập Thể Nguyễn Công Trứ	2
137		Trạm N3 Nguyễn Công Trứ	N3 Nguyễn Công Trứ	2

138		Trạm Hồ Việt Xô	Tập thể Hồ Việt Xô	2
139		Trạm Đầm Trấu	A15 Tập thể Đầm Trấu	2
140		Trạm 8/3	Ngõ 10 Phố 8/3	4
141		Trạm Mai Hương	Ngõ 34 Bùi Ngọc Dương	2
142		Trạm 29 Lạc Trung	Tập thể 29 Lạc Trung	4
143		Trạm Trại Găng	46 Trại Găng	2
144		Trạm 381 Minh Khai	Tập thể 381 Minh Khai	2
145		Trạm Bách Khoa	E2 Tập thể Bách Khoa	4
146		Trạm KTQD	A12 Tập thể KTQD	2
147		Trạm Nguyễn Bình Khiêm	33 Nguyễn Bình Khiêm	2
148		Trạm Hồ Đình	Tập thể Hồ Đình	2
149		Trạm Quỳnh Mai	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng	2
150	Trạm tăng áp (XNKDNS Hoàng Mai)	Trạm A1, A2 Cánh đồng mơ	N624 Minh Khai, Vĩnh Tuy	4
151		Trạm nhà A1 Sóng Hoàng	Ngõ 13 Lĩnh Nam	2
152		Trạm nhà A2 Sóng Hoàng	Ngõ 13 Lĩnh Nam	2
153		Trạm Thanh Mai	Ngõ 317 Tam Trinh	14
154		Trạm CT1 Vĩnh Hoàng	CT1 Vĩnh Hoàng	4
155		Trạm CT1-1A Vĩnh Hoàng	CT1-1A Vĩnh Hoàng	2
156		Trạm CT1-1B Vĩnh Hoàng	CT1-1B Vĩnh Hoàng	4
157		Trạm CT2 Vĩnh Hoàng	CT2 Vĩnh Hoàng	2
158		Trạm CT3 Vĩnh Hoàng	CT3 Vĩnh Hoàng	2
159		Trạm CTI-2 Vĩnh Hoàng	CTI-2 Vĩnh Hoàng	2
160		Trạm Đồng Tàu 2-1	Đồng Tàu, Thịnh Liệt	12
161		Trạm Đồng Tàu 2-2	Đồng Tàu, Thịnh Liệt	6
162		Trạm Đồng Tàu CC2	Đồng Tàu, Thịnh Liệt	0
163		Trạm 435 Giải Phóng	Ngõ 435 Giải Phóng	2
164		Trạm Trương Định	Nguyễn An Ninh	2
165		Trạm Ao Bát	Ngõ 543 Giải Phóng	2
166		Trạm Đèn Lừ 1	Đèn Lừ	2
167	Trạm A1 Đèn Lừ	Đèn Lừ	2	
168	Trạm A2 Đèn Lừ	Đèn Lừ	4	
169	Trạm A3 Đèn Lừ	Đèn Lừ	2	
170	Trạm A4 Đèn Lừ	Đèn Lừ	4	
171	Trạm A5 Đèn Lừ	Đèn Lừ	2	
172	Nhà G-Đèn Lừ	Đèn Lừ	4	
173	Nhà H-Đèn Lừ	Đèn Lừ	4	
174	Trạm Nhà Tinh Nghĩa	Lương Khánh Thiện	2	
175	Trạm Tân Mai	Tân Mai	2	

176		Trạm 310 Minh Khai	310 Minh Khai	2
177		Trạm Trại tạm giam số 2	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	2
178	Khu CNC Láng - Hòa Lạc	Trạm Khu CNC Láng - Hòa Lạc	Láng - Hòa Lạc	4
Số lượng mẫu				<b>543</b>
Số mẫu đột xuất: khoảng 5% số lượng mẫu				<b>27</b>
Tổng				<b>570</b>

### 3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu và phương pháp phân tích

- Các phương pháp lấy mẫu và phương pháp phân tích đối với từng chỉ tiêu chất lượng nước phải tuân thủ theo Phụ lục 01 của Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT.

- Chấp nhận các phương pháp theo Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc Tiêu chuẩn Quốc tế tương đương hoặc cao hơn và phải kèm theo hồ sơ để chứng minh.

**Bảng 02: Danh sách 82 chỉ tiêu xét nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính
1	Antimon (Sb)	mg/L
2	Bari (Ba)	mg/L
3	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L
4	Cadmi (Cd)	mg/L
5	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L
6	Chromi (Cr)	mg/L
7	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L
8	Florua (Fluoride) (F <sup>-</sup> )	mg/L
9	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L
10	Natri (Na)	mg/L
11	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L
12	Nickel (Ni)	mg/L
13	Seleni (Se)	mg/L

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính
14	Sulfat (Sulfate) ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	mg/L
15	Sulfua (Sulfide) ( $\text{S}^{2-}$ )	mg/L
16	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L
18	Xyanua (Cyanide) ( $\text{CN}^-$ )	mg/L
19	1,1,1 - Trichloroethane ( $\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$ )	$\mu\text{g/L}$
20	1,2 - Dichloroethane ( $\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$ )	$\mu\text{g/L}$
21	1,2 - Dichloroethene ( $\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$ )	$\mu\text{g/L}$
22	Carbon tetrachloride ( $\text{CCl}_4$ )	$\mu\text{g/L}$
23	Dichloromethane ( $\text{CH}_2\text{Cl}_2$ )	$\mu\text{g/L}$
24	Tetrachloroethene ( $\text{C}_2\text{Cl}_2$ )	$\mu\text{g/L}$
25	Trichloroethene ( $\text{C}_2\text{HCl}_3$ )	$\mu\text{g/L}$
26	Vinyl chloride ( $\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$ )	$\mu\text{g/L}$
27	Benzene ( $\text{C}_6\text{H}_6$ )	$\mu\text{g/L}$
28	Ethylbenzene ( $\text{C}_8\text{H}_{10}$ )	$\mu\text{g/L}$
29	Pentachlorophenol ( $\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$ )	$\mu\text{g/L}$
30	Styrene ( $\text{C}_8\text{H}_8$ )	$\mu\text{g/L}$
31	Toluene ( $\text{C}_7\text{H}_8$ )	$\mu\text{g/L}$
32	Xylene ( $\text{C}_8\text{H}_{10}$ )	$\mu\text{g/L}$
33	1,2 - Dichlorobenzene ( $\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$ )	$\mu\text{g/L}$
34	Monochlorobenzene ( $\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$ )	$\mu\text{g/L}$
35	Tổng Trichlorobenzene ( $\text{C}_6\text{H}_3\text{Cl}_3$ )	$\mu\text{g/L}$
36	Acrylamide ( $\text{C}_3\text{H}_5\text{NO}$ )	$\mu\text{g/L}$
37	Epichlorohydrin ( $\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$ )	$\mu\text{g/L}$

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính
38	Hexachlorobutadiene (C <sub>4</sub> Cl <sub>6</sub> )	µg/L
39	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C <sub>3</sub> H <sub>5</sub> Br <sub>2</sub> Cl)	µg/L
40	1,2 - Dichloropropane (C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L
41	1,3- Dichloropropene (C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L
42	2,4-D (C <sub>8</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L
43	2,4 - DB (C <sub>10</sub> H <sub>10</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L
44	Alachlor (C <sub>14</sub> H <sub>20</sub> ClNO <sub>2</sub> )	µg/L
45	Aldicarb (C <sub>7</sub> H <sub>14</sub> N <sub>2</sub> O <sub>2</sub> S)	µg/L
46	Atrazine (C <sub>8</sub> H <sub>14</sub> ClN <sub>5</sub> ) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L
47	Carbofuran (C <sub>12</sub> H <sub>15</sub> NO <sub>3</sub> )	µg/L
48	Chlorpyrifos (C <sub>9</sub> H <sub>11</sub> Cl <sub>3</sub> NO <sub>3</sub> PS)	µg/L
49	Chlordane (C <sub>10</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>8</sub> )	µg/L
50	Chlorotoluron (C <sub>10</sub> H <sub>13</sub> ClN <sub>2</sub> O)	µg/L
51	Cyanazine (C <sub>9</sub> H <sub>13</sub> ClN <sub>6</sub> )	µg/L
52	DDT (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> ) và các dẫn xuất	µg/L
53	Dichlorprop (C <sub>9</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L
54	Fenoprop (C <sub>9</sub> H <sub>7</sub> Cl <sub>3</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L
55	Hydroxyatrazine (C <sub>8</sub> H <sub>15</sub> N <sub>5</sub> O)	µg/L
56	Isoproturon (C <sub>12</sub> H <sub>18</sub> N <sub>2</sub> O)	µg/L
57	MCPA (C <sub>9</sub> H <sub>9</sub> ClO <sub>3</sub> )	µg/L
58	Mecoprop (C <sub>10</sub> H <sub>11</sub> ClO <sub>3</sub> )	µg/L
59	Methoxychlor (C <sub>16</sub> H <sub>15</sub> Cl <sub>3</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L
60	Molinate (C <sub>9</sub> H <sub>17</sub> NOS)	µg/L
61	Pendimethalin (C <sub>13</sub> H <sub>19</sub> N <sub>3</sub> O <sub>4</sub> )	µg/L

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính
62	Permethrin (C <sub>21</sub> H <sub>20</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L
63	Propanil (C <sub>9</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>2</sub> NO)	µg/L
64	Simazine (C <sub>7</sub> H <sub>12</sub> ClN <sub>5</sub> )	µg/L
65	Trifluralin (C <sub>13</sub> H <sub>16</sub> F <sub>3</sub> N <sub>3</sub> O <sub>4</sub> )	µg/L
66	2,4,6 - Trichlorophenol (C <sub>6</sub> H <sub>2</sub> Cl <sub>3</sub> OH)	µg/L
67	Bromat (BrO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	µg/L
68	Formaldehyde (CH <sub>2</sub> O)	µg/L
69	Monochloramine (NH <sub>3</sub> Cl)	µg/L
70	Bromodichloromethane (CHBrCl <sub>2</sub> )	µg/L
71	Bromoform (CHBr <sub>3</sub> )	µg/L
72	Chloroform (CHCl <sub>3</sub> )	µg/L
73	Dibromochloromethane (CHBr <sub>2</sub> Cl)	µg/L
74	Dibromoacetonitrile (C <sub>2</sub> HBr <sub>2</sub> N)	µg/L
75	Dichloroacetonitrile (C <sub>2</sub> HCl <sub>2</sub> N)	µg/L
76	Trichloroacetonitrile (C <sub>2</sub> Cl <sub>3</sub> N)	µg/L
77	Acid monochloroacetic (C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> ClO <sub>2</sub> )	µg/L
78	Acid dichloroacetic (C <sub>2</sub> H <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L
79	Acid trichloroacetic (C <sub>2</sub> HCl <sub>3</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L
80	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L
81	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L
82	Permanganat	mg/L
	Lấy mẫu nước ngoài thực địa (bao gồm: dụng cụ lấy mẫu, chứa mẫu, hóa chất bảo quản mẫu, công lấy mẫu, vận chuyển, bảo quản...)	Mẫu

### 3.4. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải có cam kết đầy đủ các nội dung sau:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc quản lý và triển khai nhân lực đảm bảo hiệu quả công việc phân tích xét nghiệm hàng ngày, hàng giờ đảm bảo đáp ứng thời gian lấy mẫu trong và ngoài giờ (thứ 7, chủ nhật, ngày lễ) cũng như các yêu cầu về kỹ thuật khác, tiến độ của E-HSMT.

- Nhà thầu phải đảm bảo đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư, đảm bảo thiết bị, hóa chất phân tích các mẫu xét nghiệm theo đúng yêu cầu, tiến độ (kể cả trong trường hợp đột xuất). Trường hợp nhà thầu được mời vào thương thảo, trước khi thương thảo nhà thầu phải bố trí cho Bên mời thầu đi kiểm tra thực tế các thiết bị thí nghiệm để làm cơ sở đối chiếu với thông tin các thiết bị thí nghiệm mà nhà thầu đã kê khai trong E-HSDT.

- Trường hợp có bất thường hoặc khiếu nại về kết quả xét nghiệm, nhà thầu phải cung cấp số liệu gốc. Khi số liệu gốc không đảm bảo yêu cầu, nhà thầu phải tiến hành xét nghiệm lại chỉ tiêu bất thường dưới sự chứng kiến của chủ đầu tư hoặc đề xuất bên thứ ba xét nghiệm lại, trong trường hợp này toàn bộ chi phí thuê bên thứ ba xét nghiệm lại do nhà thầu chi trả.

- Các kết quả về chất lượng nước được xét nghiệm tại gói thầu này là tài sản thuộc sở hữu của Chủ đầu tư, nhà thầu không được phép công bố số liệu thống kê hoặc chi tiết của kết quả này cho bên thứ ba hoặc sử dụng cho các mục đích khác của nhà thầu.

- Làm lại xét nghiệm nếu kết quả phân tích của từng xét nghiệm/kiểm nghiệm chưa đúng với yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Có trách nhiệm chi trả các chi phí phát sinh do việc kết quả xét nghiệm không đạt theo yêu cầu dẫn tới việc dẫn tới việc trả kết quả không đúng thời gian quy định.

- Trường hợp khẩn cấp, nhà thầu phải lấy mẫu tại vị trí chỉ định trong địa bàn cấp nước của Công ty Nước sạch Hà Nội trong vòng 02 tiếng từ khi nhận được thông báo và trả kết quả phân tích theo thời gian tối thiểu của phương pháp phân tích.

- Khuyến cáo Chủ đầu tư cách khắc phục các chỉ tiêu chưa đảm bảo (nếu có) và phối hợp lấy mẫu xét nghiệm lại sau khi Công ty thực hiện khắc phục.

#### **Mục 4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:*

*1. Giải pháp và phương pháp luận;*

*2. Kế hoạch công tác.*

#### **Mục 5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

Bên mời thầu sẽ kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất quá trình vận chuyển mẫu nước để đưa về phòng thí nghiệm. Bên mời thầu chỉ nghiệm thu sản

phẩm khi Nhà thầu đã hoàn thành đầy đủ các công việc theo yêu cầu của gói thầu, có xác nhận của các bên liên quan và các tài liệu liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng.